TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2024/QĐST-DS	*Quận K, ngày 24 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 57/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ; địa chỉ trụ sở chính: Số M đường T, phường L, quận H, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T, sinh năm 1970 - Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Văn H, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - Ngân hàng TMCP Đ; địa chỉ: Thửa M, khu B, lô B, đường L, phường Đ, quận N, thành phố H (văn bản ủy quyền số 469/2023/UQ ngày 18/7/2023 và số 13075/2023/UQ ngày 29/8/2023).

- *Bị đơn:* Anh Trương Văn H, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số B đường P, tổ Đ, phường P, quận K, thành phố H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ: Anh Trương Văn H phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 16/01/2024 là 1.014.491.788 đồng (trong đó: Nợ gốc là 913.254.068 đồng, nợ lãi trong hạn là 95.187.165 đồng, nợ lãi quá hạn là 6.050.555 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/01/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay từng lần số: REF2134000394/HDTD/HP5-TVH ngày 07/12/2021 và Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 01/12/2021 mà các bên đã ký kết.

2.2. Kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật mà anh Trương Văn H vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đ được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm sau để xử lý thu hồi toàn bộ khoản nợ: Quyền sử dụng diện tích 115,5m^2 đất ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 102-02, tờ bản đồ số 300591-7-(11), tại tổ H khu dân cư Đ (nay là số B đường P, tổ Đ), phường P, quận K, thành phố H (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 219438, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H.00076/PL do Ủy ban nhân dân quận K cấp ngày 04/5/2007 cho người sử dụng là bà Đinh Thị T. Ngày 20/11/2019 để thừa kế, tặng cho anh Trương Văn H có xác nhận của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh quận K) theo Hợp đồng thế chấp số REF2134000394/HDTC/HP5-TVH ngày 07/12/2021 số công chứng 4529 quyển số 02/2021.TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng N, thành phố H và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh quận K ngày 07/12/2021. (Có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

Số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm sau khi trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ mà còn dư thì được trả lại phần dư cho anh Trương Văn H; trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết nợ thì anh Trương Văn H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Anh Trương Văn H phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng chi phí tố tụng xem xét thẩm định và đo đạc tài sản bảo đảm.

2.3. Về án phí: Anh Trương Văn H nhận nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 21.217.000 đồng (làm tròn số). Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.387.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003844 ngày 16/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố H;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lương Thị Hải Hà